

Số: 1328/QĐ-UBND

Đông Triều, ngày 12 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt danh sách hỗ trợ học phí, chi phí học tập, ăn trưa cho trẻ em
Mầm non, học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã
học kỳ II, năm học 2023 - 2024**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 9 năm 2020 của Chính
phủ quy định chính sách phát triển giáo dục Mầm non;

Căn cứ Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30 tháng 7 năm 2019 của
HĐND tỉnh Quảng Ninh quy định một số chính sách hỗ trợ trong các cơ sở giáo
dục Mầm non, phổ thông và Giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 65/2021/NQ-HĐND ngày 19/12/2021 của Hội đồng nhân
dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông
công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16 tháng 07 năm 2021
của HĐND tỉnh Quảng Ninh Quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối
tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng
Ninh; Nghị quyết 08/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân
dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 21/2021/NQ-
HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh quy định chính sách trợ
giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác
trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng
nhân dân tỉnh Quảng Ninh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết
65/2021/NQ-HĐND ngày 19/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức
học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của Tỉnh
Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Căn cứ Hướng dẫn số 2755/HDLN-SLĐTBXH-SYT-SGDĐT ngày 18 tháng
08 năm 2021 của Liên Sở Lao động TB&XH - Sở Tài Chính - Sở Y tế - Sở Giáo
dục và Đào tạo Hướng dẫn thực hiện một số nội dung chính sách trợ giúp xã hội
theo quy định tại Nghị định số 20/2021/NĐ-CP ngày 15/03/2021 của Chính phủ



và Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/07/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh về quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khó khăn khác trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ hướng dẫn số 1468/HD-SGD&ĐT ngày 09/5/2024 về triển khai Nghị quyết số 33/2024/NQ-HĐND ngày 19/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 65/2021/NQ-HĐND ngày 19/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập của tỉnh Quảng Ninh từ năm học 2021-2022 đến năm học 2025-2026;

Theo đề nghị của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều tại Tờ trình số 942/TTr-GD&ĐT ngày 04 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách hỗ trợ học phí, chi phí học tập, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ mầm non học kỳ II, năm học 2023-2024 theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/9/2020 của Chính phủ, Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ninh, Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/07/2021 của HĐND tỉnh Quảng Ninh cho trẻ em Mầm non, học sinh phổ thông tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn thị xã Đông Triều. Cụ thể như sau:

- Đối tượng được ăn trưa theo Nghị định số 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020 là: **76** học sinh; tổng số tiền hỗ trợ là: 58.400.000 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn).

- Đối tượng được ăn trưa theo Nghị quyết số 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 là: **11** học sinh; tổng số tiền hỗ trợ là: 9.180.000 đồng (Chín triệu, một trăm tám mươi nghìn đồng chẵn).

- Đối tượng được miễn học phí theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/07/2021 là: **216** học sinh; tổng số tiền hỗ trợ là: 55.465.000 đồng (Năm mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn).

- Đối tượng được hỗ trợ chi phí học tập theo Nghị quyết số 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/07/2021 là: **376** học sinh; tổng số tiền hỗ trợ là: 281.700.000 đồng (Hai trăm tám mươi một triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn).

Tổng kinh phí hỗ trợ là: 404.745.000 đồng.

Bằng chữ: Bốn trăm linh bốn triệu bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng chẵn.

(Chi tiết theo phụ biểu đính kèm)

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước năm 2024.

- Giao Phòng Tài chính - Kế hoạch tham mưu cho UBND thị xã bố trí kinh phí hỗ trợ cho các đối tượng, hướng dẫn thủ tục thanh quyết toán theo quy định hiện hành;

- Giao Phòng Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm toàn diện trong thực hiện công tác quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách hỗ trợ cho các đối tượng;

- Giao các cơ sở giáo dục do Phòng Giáo dục và Đào tạo quản lý, chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác đối với hồ sơ, đối tượng, trình tự thủ tục để thực hiện chi trả theo đúng quy định của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã, Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc nhà nước Đông Triều và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhân:

- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- CT, các Phó CT UBND thị xã;
- Ban Kinh tế - XH HĐND thị xã;
- Như điều 3 (thực hiện);
- Lưu VT.

(Báo cáo)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Dũng



ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU

TỔNG HỢP KINH PHÍ HỖ TRỢ ĂN TRƯA CHO TRẺ EM MẦM NON

KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều)

Stt	Tên Cơ sở Giáo dục	Thuộc địa bàn xã/phường	Số đối tượng được hỗ trợ (trẻ)	Số tháng được hỗ trợ	Số tiền được hỗ trợ 1 tháng	Kinh phí thực hiện (đồng)	Ghi chú
	Tổng số		87			67.580.000	
I	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em Mẫu giáo theo Nghị định 105/NĐ-CP ngày 08/9/2020		76			58.400.000	
1	Trường Mầm non Đức Chính	Phường Đức Chính	2	5	160.000	1.600.000	
2	Trường MN Hưng Đạo	Phường Hưng Đạo	5	5	160.000	3.360.000	
3	Trường MN Kim Sơn	Phường Kim Sơn	6	5	160.000	4.320.000	
4	Trường Mầm non Sao Mai	Phường Mạo Khê	1	5	160.000	800.000	
5	Trường Mầm non Hoa Lan	Phường Mạo Khê	6	5	160.000	4.800.000	
6	Trường Mầm non Hoa Phượng	Phường Mạo Khê	4	5	160.000	3.200.000	
7	Trường MN Sơn Ca	Phường Mạo Khê	2	5	160.000	1.600.000	
8	Trường MN Hồng Phong	Phường Hồng Phong	3	5	160.000	2.400.000	
9	Trường MN Yên Thọ	Phường Yên Thọ	4	5	160.000	3.200.000	
10	Trường MN Hoàng Quế	Phường Hoàng Quế	2	5	160.000	1.600.000	
11	Trường MN Trảng An	Phường Trảng An	4	5	160.000	3.200.000	
12	Trường Mầm non Bình Dương	Xã Bình Dương	1	5	160.000	800.000	
13	Trường MN Nguyễn Huệ	Xã Nguyễn Huệ	2	5	160.000	1.600.000	
14	Trường MN An Sinh A	Xã An Sinh	2	5	160.000	1.280.000	
15	Trường MN Việt Dân	Xã Việt Dân	2	5	160.000	1.600.000	
16	Trường Mầm non Tân Việt	Xã Tân Việt	3	5	160.000	2.400.000	
17	Trường MN Bình Minh	Xã Bình Khê	1	5	160.000	800.000	
18	Trường MN Hồng Thái Tây	Xã Hồng Thái Tây	17	5	160.000	12.640.000	
19	Trường mầm non Hồng Thái Đông	UBND xã Hồng Thái Đông	9	5	160.000	7.200.000	
II	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em nhà trẻ theo NQ 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/07/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ninh		11			9.180.000	
1	Trường MN Trảng An	Phường Trảng An	2	5	180.000	1.080.000	
2	Trường MN Nguyễn Huệ	Xã Nguyễn Huệ	1	5	180.000	900.000	
3	Trường MN Tân Việt	Xã Tân Việt	1	5	180.000	900.000	
4	Trường MN Việt Dân	Xã Việt Dân	1	5	180.000	900.000	
5	Trường MN Hồng Thái Tây	Xã Hồng Thái Tây	4	5	180.000	3.600.000	
6	Trường MN Hồng Thái Đông	UBND xã Hồng Thái Đông	2	5	180.000	1.800.000	

Tổng số học sinh đề nghị là: **87 học sinh.**

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là: **67.580.000**

(Bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng)



DANH SÁCH

Hỗ trợ chi phí học tập học kỳ II năm học 2023-2024 theo quy định tại Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 12 / 6 /2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều)

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền CPHT đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ CPHT (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	1	2		3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số		376	374	-	1	-	1		281.700.000	
	Khối MN		46	44	-	1	-	1	-	33.600.000	
1	Trường MN Đức Chính		1	1						750.000	Phường Đức Chính
	Nguyễn Ngọc Nam	Trẻ mồ côi cha,mẹ mắc bệnh tâm thần - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
2	Trường MN Hưng Đạo		3	3						2.250.000	Phường Hưng Đạo
	Vương Thảo Vy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vương Bảo Nam	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Bảo Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
3	Trường MN Xuân Sơn		1	1	-	-	-	-		750.000	Phường Xuân Sơn
	Hà Tường Vy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

4	Trường MN Kim Sơn		3	2	-	1	-	-		1.950.000	Phường Kim Sơn
	Đặng Thân Duy Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vũ Nguyễn Tuấn Kiệt	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Bùi Xuân Khang	Trẻ em dưới 4 tuổi mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh phải điều trị dài ngày - Điểm c khoản 1 điều 2 NQ21/NQHĐND	1			1			150.000	450.000	
5	Trường MN Hoa Lan		1	1						750.000	Phường Mạo Khê
	Vũ Bình An	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
6	Trường MN Hoa Phượng		1	1						750.000	Phường Mạo Khê
	Ngô Thanh Anh Vương	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
7	Trường MN Sơn Ca		1	1	-	-	-	-		750.000	Phường Mạo Khê
	Trần Thanh Vân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
8	Trường MN Hồng Phong		1	1	-	-	-	-		750.000	Phường Hồng Phong
	Phạm Nguyên Long	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
9	Trường MN Yên Thọ		3	3	-	-	-	-		2.250.000	Phường Yên Thọ
	Phạm Minh Chính	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Thanh Phụng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Lê Vượng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
10	Trường MN Tràng An		6	5	-	-	-	1		3.900.000	Phường Tràng An
	Trần Trung Nam	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đinh Gia Khánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

	Trương Thị Lan	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Wen Minh Châu	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đỗ Bảo Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Thanh Thảo	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng -điểm a khoản 5 điều 4 NQ21/2021/NQ-HĐND	1					1	150.000	150.000	
11	Trường MN Nguyễn Huệ		2	2	-	-	-	-		1.500.000	Xã Nguyễn Huệ
1	Nguyễn Phương Trinh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
2	Nguyễn Trung Kiên	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
12	Trường MN An Sinh A		1	1	-	-	-	-		750.000	Xã An Sinh
	Vũ Minh Đức	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
13	Trường MN Tân Việt		2	2	-	-	-	-		1.500.000	Xã Tân Việt
	Nguyễn Quỳnh Khánh Chi	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Gia Hưng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
14	Trường MN Việt Dân		2	2	-	-	-	-		1.500.000	Xã Việt Dân
	Nguyễn Ngọc An	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Minh Dương	Trẻ không có bố - Mẹ bị khuyết tật vận động nặng đang hưởng trợ cấp BHXH -điểm d khoản 1 điều 2 NQ21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
15	Trường MN Trảng Lươg		1	1	-	-	-	-		750.000	Xã Trảng Lươg
	Vũ Trần Minh Khang	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo - điểm a khoản 5 điều 4 NQ 21/2021	1	1					150.000	750.000	
16	Trường MN Hồng Thái Tây		14	14	-	-	-	-		10.500.000	Xã Hồng Thái Tây
	Nguyễn Bùi Khánh Vy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

	Bùi Phương Quỳnh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Văn Quỳnh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Nguyễn Phúc Công	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Lam Chi	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thanh Lam	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lương Thị Thảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Khánh Huyền Trang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Quỳnh Như	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Tâm Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Minh Trọng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lương Đức Thiện	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Minh Đức	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Thị Hạnh Quyên	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
17	Trường MN Hồng Thái Đông		3	3						2.250.000	Xã Hồng Thái Đông
	Hoàng Bảo Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Ngọc Bích	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Ngọc Lan	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Khoái Tiểu học		159	159	-	-	-	-	-	119.250.000	

1	Trường TH Kim Đồng		1	1	-	-	-	-		750.000	Phường Đông Triều
	Vũ Thị Bảo Hân	Trẻ em mồ côi đang hưởng trợ cấp XH Điểm a, khoản 5 điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ - HĐND	1	1					150.000	750.000	
2	Trường TH Hưng Đạo		20	20	-	-	-	-		15.000.000	Phường Hưng Đạo
	Vương Mai Phương	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Phúc Lâm	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đỗ Thanh Tâm	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Ngọc Hân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Thùy Linh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vương Thùy Trang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thanh Tâm	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Hoàng Gia Huy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vũ Thị Yến Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Gia Huy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Thị Hiền	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Hoàng Nam	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Hải An	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Tâm Như	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Phúc Hưng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đỗ Tường Vy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thanh Phong	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Việt Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

	Vũ Thị Diễm Hương	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng- Theo quy định tại điểm a khoản 5 điều 4 của Nghị quyết 21/2021)	1	1					150.000	750.000	
	Bùi Hải Nam	Trẻ em bị bệnh về phải điều trị dài ngày- Theo điểm a khoản 5 điều 4 của Nghị quyết	1	1					150.000	750.000	
3	Trường TH Xuân Sơn		3	3	-	-	-	-		2.250.000	Phường Xuân Sơn
	Đỗ Nguyễn Quỳnh Mai	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Thân Ngọc Ánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Quốc Khánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
4	Trường TH Kim Sơn		9	9	-	-	-	-		6.750.000	
	Nguyễn Thu Hà	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Phú Trọng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đặng Thân Bảo Long	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vũ Nguyễn Tuấn Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Anh Tuấn	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đặng Gia Thịnh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Mạnh Hiệp	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Thu Phương	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Thu Thủy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
5	Trường TH Quyết Thắng		1	1	-	-	-	-		750.000	Phường Mạo Khê
	Vũ Kim Ân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
6	Trường TH Vĩnh Khê		5	5						3.750.000	Phường Mạo Khê

	Nguyễn Hồng Ngọc	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đặng Ngọc Hân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Hoàng Đức Thịnh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Ngô Thanh Anh Vượng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Lê Diệu Linh	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
7	Trường TH Mạo Khê A		3	3	-	-	-	-		2.250.000	Phường Mạo Khê
	Nguyễn Hoàng Gia Huy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thùy Trang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Như Ý	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
8	TRƯỜNG TH MẠO KHÊ B		2	2	-	-	-	-		1.500.000	Phường Mạo Khê
	Nguyễn Trung Hiếu	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trịnh Phương Vân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
9	Trường TH Nguyễn Văn Cừ		3	3	-	-	-	-		2.250.000	Phường Mạo Khê
	Nguyễn Quỳnh Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Thị Thiêm	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thanh Tùng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
10	Trường TH Trảng An		12	12	-	-	-	-		9.000.000	Phường Trảng An

	Lê Thị Ánh Dương	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Thị Nhân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Bình Minh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Tất Thanh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trương Thị Tâm	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Quỳnh Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vũ Thị Hiền	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đình Hà Giang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Như Quỳnh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Dương Ánh Tuyết	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thảo Hiền	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Hải Yến	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
11	Trường TH Lê Hồng Phong		3	3	-	-	-	-		2.250.000	Phường Hồng Phong
	Trần Trường Giang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn chân Cường	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Ngọc Minh	Thuộc hộ gia đình khó khăn, bố mẹ khuyết tật hưởng trợ cấp xã hội (Quy định tại điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
12	Trường TH Yên Thọ		4	4	-	-	-	-		3.000.000	Phường Yên Thọ
	Bùi Nhật Duy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Bùi Quốc Việt	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Minh Thư	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

	Luân Quỳnh Chi	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
13	Trường TH Hoàng Quế		6	6	-	-	-	-		4.500.000	Phường Hoàng Quế
	VŨ TIẾN THẠO	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	NGÔ TRUNG DŨNG	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	ĐOÀN TRUNG VIỆT	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	NGÔ ĐỨC THIÊN	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	VŨ TIẾN THAO	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
14	Trường TH Bình Dương		4	4	-	-	-	-		3.000.000	Xã Bình Dương
	Vũ Quỳnh Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vũ Minh Phú	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vũ Bảo Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
15	Trường TH Nguyễn Huệ		2	2	-	-	-	-		1.500.000	Xã Nguyễn Huệ
	Nguyễn Thị Ngọc Oanh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Thu	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
16	Trường TH Thủy An		5	5	-	-	-	-		3.750.000	Xã Thủy An
	Bùi Thị Thủy Linh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Viết Tiến	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Viết Thế	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Thị Bảo An	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

	Nguyễn Thị Hà Linh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
17	Trường TH An Sinh		2	2	-	-	-	-		1.500.000	Xã An Sinh
	Nguyễn Kim Hùng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Tuấn Dũng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
18	Trường TH Bình Khê		5	5	-	-	-	-		3.750.000	Xã Bình Khê
	Trần Thị Kim Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	0	0	0	150.000	750.000	
	Nguyễn Tuấn Hưng	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo và bệnh điều trị dài ngày thuộc đối tượng điểm c, khoản 1 điều 3 NQ 21/2021	1	1	0	0	0	0	150.000	750.000	
	Phạm Tuấn Hưng	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng điểm c, khoản 5 điều 4 NQ 21/2021	1	1	0	0	0	0	150.000	750.000	
	Nguyễn Gia Huy	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng thuộc đối tượng điểm c, khoản 5 điều 4 NQ 21/2021	1	1	0	0	0	0	150.000	750.000	
	Trần Thị Uyển Nhi	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	0	0	0	150.000	750.000	
19	Trường TH Yên Đức		3	3	-	-	-	-		2.250.000	Xã Yên Đức
	Phạm Văn Hải	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vũ An Bang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Hoàng Phúc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
20	Trường TH Hồng Thái Tây		40	40	-	-	-	-		30.000.000	Xã Hồng Thái Tây
	Vũ Tuấn Phong	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Gia Bảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Song Nhi	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Song Thư	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Văn Khánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Chí Nhân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

Nguyễn Cao Minh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Nguyễn Thành Long	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Bùi Quang Vinh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Nguyễn Phương Thảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Đào Văn Giang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Ngô Quỳnh Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Nguyễn Thị Thanh Tâm	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Trần Duy Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Trần Đức Nghĩa	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Nguyễn Thành Nguyên	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Nguyễn Trà My	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Bùi Chấn Cửu Phong	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Vũ Hoàng Lâm	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Lê Trần Hải Yến	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Trần Thị Diễm Quỳnh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Nguyễn Tiến Đạt	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Nguyễn Gia Bảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Nguyễn Thị Thu Trang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Nguyễn Cao Chúc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Trần Trung Hiếu	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Tạ Tiến Thắng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
Vũ Bích Loan	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

	Trần Huy Hoàng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Thị Khánh Linh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Tô Ngọc Bích	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Hoàng Linh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Văn Ninh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Cao Thái Bảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Quỳnh Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Khánh Linh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Quý Thoa	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Hoàng Mai Linh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Phương Vy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
21	Trường TH Hồng Thái Đông		11	11	-	-	-	-		8.250.000	Xã Hồng Thái Đông
	Bùi Nguyễn Tiến Đạt	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Hoàng Bảo Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Bùi Đức Phúc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Hoàng Bảo Linh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Thảo Nguyên	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Thanh Mai	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Hoàng Bảo Nam	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Hoàng Ngọc Thảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

	Trần Thành Vinh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Bùi Khánh Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Mạnh Cường	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
22	Trường TH&THCS Việt Dân		6	6	-	-	-	-		4.500.000	Xã Việt Dân
	Đinh Việt Nhật	Thuộc hộ cận nghèo năm 2024. Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Bùi Duy Minh	Thuộc hộ cận nghèo năm 2024. Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vũ Thị Ngọc Ánh	Thuộc hộ cận nghèo năm 2024. Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Hoàng Hải	Thuộc hộ cận nghèo năm 2024. Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đinh Việt Nga	Thuộc hộ cận nghèo năm 2024. Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Hà Chi	Thuộc hộ cận nghèo năm 2024. Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
23	Trường TH&THCS Tân Việt		4	4	-	-	-	-		3.000.000	Xã Tân Việt
	Vương Bảo Uy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Vũ Phong	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Mai Tường Vy	Trẻ em mồ côi bố, mẹ đang hưởng trợ cấp BHXH - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đinh Hải Phong	Trẻ em mồ côi bố, mẹ đang hưởng trợ cấp BHXH - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
24	Trường TH&THCS Trảng Lươg		5	5	-	-	-	-		3.750.000	Xã Trảng Lươg
	Phạm Bùi Thành Công	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Thị Ngọc Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

	Phạm Gia Khánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Bùi Đình Gia Huy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Diệp Hoàng Minh Vương	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
III	Khối THCS		171	171	-	-	-	-		128.850.000	
1	Trường THCS Nguyễn Du		1	1	-	-	-	-		750.000	Phường Đông Triều
	Vũ Thị Phương Anh	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng - Điểm a khoản 5 điều 4 của Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND)	1	1					150.000	750.000	
2	Trường THCS Đức Chính		3	3						2.250.000	Phường Đức Chính
	Nguyễn Văn Hậu	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Việt Hà	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Quang Long	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
3	Trường THCS Hưng Đạo		14	14	-	-	-	-		10.500.000	Phường Hưng Đạo
1	Nguyễn Nam Cường	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
2	Vương Gia Bảo	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
3	Nguyễn Việt Dũng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
4	Lê Thanh Trúc	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
5	Nguyễn Thị Mai Linh	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, mẹ con bà, mẹ là người khuyết tật theo Khoản 5 Điều 4 của Nghị quyết 21/2021	1	1					150.000	750.000	
6	Nguyễn Thị Phương Thảo	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
7	Trịnh Thị Hằng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

8	Vương Thị Mai Anh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
9	Phạm Thế Duyệt	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
10	Lê Thị Hồng Trang	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, mồ côi mẹ, bố nhiễm chất độc da cam theo Khoản 5 Điều 4 của Nghị quyết 21/2021	1	1					150.000	750.000	
11	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
12	Nguyễn Hoàng Bảo Linh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
13	Phạm Hương Giang	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
14	Bùi Thị Thu Thủy	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo- Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
4	Trường THCS Xuân Sơn		8	8	-	-	-	-		6.000.000	Phường Xuân Sơn
1	Nguyễn Thị Vân Thanh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
2	Nguyễn Dương Phương Huyền	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
3	Phạm Ngọc Tú	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
4	Thân Ngọc Như	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
5	Nguyễn Việt Phú	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
6	Phạm Thị Tuyết Hằng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
7	Phạm Tuấn Anh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
8	Nguyễn Thị Thúy Nga	Thuộc đối tượng Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo - Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
5	Trường THCS Kim Sơn		7	7	-	-	-	-		5.250.000	Phường Kim Sơn

	Nguyễn Thanh Hiền	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Ngọc Hải	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Ngọc Huyền	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Kim Oanh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Thanh Bình	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Ngọc Hưng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thùy Vân	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
6	Trường THCS Mạo Khê I		6	6	-	-	-	-		4.500.000	Phường Mạo Khê
	Nguyễn Đức Minh	Không có bố, mồ côi mẹ - Theo điểm a, Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Mai Ngọc Đức Anh	Trẻ em dưới 16 tuổi mắc bệnh hiểm nghèo; Điểm C, Khoản 1, Điều 2 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Mai Tiến Thành	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vũ Diệu Linh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Bảo Trang	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
7	Trường THCS Mạo Khê II		6	6	-	-	-	-		4.500.000	Phường Mạo Khê
	Nguyễn Hữu Châu	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Ánh Dương	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Quỳnh Nga	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

	Nguyễn Phi Nhung	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Thị Ngọc Ánh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Khuất Quỳnh Anh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
8	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh		4	4	-	-	-	-		3.000.000	Phường Mạo Khê
	Đào Xuân Trúc	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Tạ Công Bách	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Hồ Quỳnh Trang	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Anh Đức	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
9	Trường THCS Lê Hồng Phong		6	6	-	-	-	-		5.100.000	Phường Hồng Phong
	Phạm Tiến Đức	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Tiến Đạt	Bệnh hiểm nghèo phải điều trị dài ngày (PL1. Lupus ban đỏ hệ thống: M32) Điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Thị Thùy Dương	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Kim Hải	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Tiến Tài	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Mai Phương	Trẻ em không nguồn nuôi dưỡng (PL 02A. Điểm d Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	1.350.000	

10	Trường THCS Yên Thọ		4	4	-	-	-	-		3.000.000	Phường Yên Thọ
	Hoàng Văn Minh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Đức Minh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Hoàng Phương Anh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Duy Hoàng	Trẻ em không nguồn nuôi dưỡng ; Điểm c Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
11	Trường THCS Hoàng Quế		5	5	-	-	-	-		3.750.000	Phường Hoàng Quế
	Ngô Trung Hiếu	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Minh Thư	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Ngô Thị Thúy Ngân	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Ngô Văn Khang	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thu Hoài	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
12	Trường THCS Trảng An		12	12	-	-	-	-		9.000.000	Phường Trảng An
	Nguyễn Trí Dũng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Hoàng Trần Long Hải	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đỗ Ngọc Trâm	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Bùi Thị Thanh Hoa	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đỗ Văn Ninh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lương Thị Mai Thùy	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

	Nguyễn Thu Trang	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đặng Minh Đức	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Bùi Kim Đạt	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Bùi Ánh Ngọc	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Tiến Công	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Thanh Vân	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
13	Trường THCS Bình Dương		9	9	-	-	-	-		6.750.000	Xã Bình Dương
	Nguyễn Văn Hòa	Hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn An Hòa	Hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Hải Linh	Hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thành Đô	Hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Kiều Trinh	Hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lâm Ngọc Thảo	Hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Văn Được	Trẻ mồ côi cha-mẹ bị bệnh tâm thần đang hưởng trợ cấp BHXH -điểm d khoản 1 điều 2 NQ21/2021	1	1					150.000	750.000	
	Lê Quốc Khánh	Hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Bảo Khánh	Hộ cận nghèo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
14	Trường THCS Nguyễn Huệ		4	4	-	-	-	-		3.000.000	Xã Nguyễn Huệ

	Ngô Thế Anh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vương Thu Huyền	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Viết Tùng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Tất Phong	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
15	Trường THCS Thủy An		5	5	-	-	-	-		3.750.000	Xã Thủy An
	NGUYỄN VĂN LONG	Hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	TRẦN THỊ THÁI AN	Hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	HỒ THỊ TRÀ MY	Hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	PHẠM ĐỨC TÂM	Hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	VŨ ĐỨC DŨNG	Hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
16	Trường THCS An Sinh		8	8	-	-	-	-		6.000.000	Xã An Sinh
	Nguyễn Thị Trà My	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đào Bá Huy	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Hoàng Ngọc Anh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Thùy Ngân	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đỗ Văn Tất	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Hoa	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Diệu Anh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Phạm Mạnh Cường	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

17	Trường THCS Bình Khê		2	2	-	-	-	-		1.500.000	Xã Bình Khê
	Nguyễn Văn Huy	Con Mô cô cha , mẹ hưởng trợ cấp xã hội (thuộc điểm d khoản 1 điều 2 nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của tỉnh)	1	1					150.000	750.000	
	Hoàng Thị Ngọc Hân	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
18	Trường THCS Yên Đức		5	5	-	-	-	-		3.750.000	Xã Yên Đức
	Phạm Anh Thư	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Hoàng Thị Hiền	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Thị Khánh Chi	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Trần Quang Khải	Bệnh hiểm nghèo được trợ cấp hàng tháng (Thuộc phụ lục 01 mục III số TT 19 mã bệnh D66 nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của tỉnh)	1	1					150.000	750.000	
	Hoàng Quốc Bảo	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
19	Trường THCS Hồng Thái Tây		38	38	-	-	-	-		28.500.000	Xã Hồng Thái Tây
	Nguyễn Văn Thuận	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Lê Văn Hiếu Nghĩa	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Lê Thị Hương	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Trần Anh Đức	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Lê Nam Phong	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Trần Thành Long	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Ngô Minh Quân	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	

	Nguyễn Bảo Ngọc	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Vũ Bảo Trân	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Trần Phương Anh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Đoàn Long	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Vũ Duy Hưng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Mạc Thị Anh Thư	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Trần Đại Long	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Quang Nam	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Phúc Hải Đăng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Trần Thị Ánh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Tuấn Tú	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Lê Thị Hoài	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Mạc Anh Thái	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Phúc Thái	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Bùi Duy Khánh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Đỗ Ngọc Ánh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Lê Văn Dũng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Quốc Anh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Lê Minh Anh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	

	Lâm Trường Giang	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Bùi Gia Oánh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Trần Tô Hồng Ngọc	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Vũ Duy Thành	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Ngọc Lan Phụng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Bùi Anh Thư	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Đào Thị Hằng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Hoàng Diệu Thảo	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Trung Hiếu	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Vì Hoàng Hào	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Hoàng Sơn	Trẻ em không nguồn nuôi dưỡng bố chết mẹ mất tích. Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
20	Trường THCS Hồng Thái Đông		11	11	-	-	-	-	1.650.000	8.250.000	Xã Hồng Thái Đông
	Nguyễn Đức Chất	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Tiến Thành	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Phạm Thu An	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Thuê	Trẻ em không nguồn nuôi dưỡng, mồ côi cha mẹ là người KT . Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	

	Bùi Diễm Hằng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Nhật Nguyên	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Hồng Liên	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Văn Thương	Trẻ em không nguồn nuôi dưỡng, mồ côi cha mẹ là người KT. Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Hoàng Duy Long	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Hoàng Long	Bố mẹ hưởng trợ cấp Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
	Nguyễn Đức Anh	Bố mẹ hưởng trợ cấp Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	150.000	750.000	
21	Trường TH&THCS Việt Dân		9	9	-	-	-	-		6.750.000	Xã Việt Dân
	Phạm Ngọc Thiện	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vũ Minh Hòa	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Vũ Quang Huy	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đoàn Thị Tuyết Nhi	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Thị Nhu Hòa	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Đoàn Thế Anh	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Lê Nhật Minh	Thuộc hộ cận nghèo năm 2023. Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Bùi Văn An	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Ngọc Hằng	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

22	Trường TH&THCS Tân Việt		2	2	-	-	-	-		1.500.000	Xã Tân Việt
	Nguyễn Thanh Bình	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Nguyễn Ánh Bảo Ngọc	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
23	Trường TH&THCS Trảng Lươg		2	2	-	-	-	-		1.500.000	Xã Trảng Lươg
	Diệp Hoàng Minh Chúc	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	
	Tạ Khải Kiên	Thuộc hộ cận nghèo theo Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					150.000	750.000	

Tổng số học sinh: 376 học sinh

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là: 281.700.000 đồng

(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi một triệu, bảy trăm nghìn đồng chẵn)



DANH SÁCH

Hỗ trợ học phí học kỳ II năm học 2023-2024 theo quy định tại Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND ngày 16/7/2021 của HĐND tỉnh

(Kèm theo Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 12 / 6 /2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều)

DVT: Đồng

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí để nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Tổng số		216	214	-	1	-	1		55.465.000	
I	Khối MN		46	44	-	1	-	1	-	18.475.000	
1	Trường MN Đức Chính		1	1	-	-	-	-		625.000	Phường Đức Chính
	Nguyễn Ngọc Nam	Trẻ mồ côi cha,mẹ mắc bệnh tâm thần(Điểm a, khoản 5, Điều 4 NQ21/2021	1	1					125.000	625.000	
2	Trường MN Hưng Đạo		3	3	-	-	-	-		1.875.000	
	Vương Thảo Vy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1		-	-		125.000	625.000	Phường Hưng Đạo
	Vương Bảo Nam	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1			-	-	125.000	625.000	
	Nguyễn Bảo Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1			-	-	125.000	625.000	
3	Trường MN Xuân Sơn		1	1	-	-	-	-		625.000	Phường Xuân Sơn
	Hà Tường Vy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					125.000	625.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
4	Trường MN Kim Sơn		3	2	-	1	-	-		1.625.000	Phường Kim Sơn
	Đặng Thân Duy Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1		-	-		125.000	625.000	
	Vũ Nguyễn Tuấn Kiệt	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1			-	-	125.000	625.000	
	Bùi Xuân Khang	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo, bệnh phải điều trị dài ngày - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1			1			125.000	375.000	
5	Trường MN Hoa Lan		1	1	-	-	-	-		625.000	Phường Mạo Khê
	Vũ Bình An	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1			-	-	125.000	625.000	
6	Trường MN Hoa Phượng		1	1	-	-	-	-		625.000	
	Ngô Thanh Anh Vương	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1			-	-	125.000	625.000	
7	Trường MN Sơn Ca		1	1	-	-	-	-		625.000	Phường Mạo Khê
	Trần Thanh Vân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	125.000	625.000	
8	Trường MN Hồng Phong		1	1	-	-	-	-		625.000	Phường Hồng Phong
	Phạm Nguyên Long	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					125.000	625.000	
9	Trường MN Yên Thọ		3	3	-	-	-	-		1.875.000	Phường Yên Thọ
	Phạm Minh Chính	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1		-	-		125.000	625.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Phạm Thanh Phụng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1			-	-	125.000	625.000	
	Phạm Lê Vượng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					125.000	625.000	
10	Trường MN Trảng An		6	5	-	-	-	1		3.250.000	Phường Trảng An
	Trần Trung Nam	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					125.000	625.000	
	Đinh Gia Khánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					125.000	625.000	
	Trương Thị Lan	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					125.000	625.000	
	Wen Minh Châu	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					125.000	625.000	
	Đỗ Bảo Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1		-	-		125.000	625.000	
	Lê Thanh Thảo	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng -điểm a khoản 5 điều 4 NQ21/2021/NQ-HĐND	1					1	125.000	125.000	
11	Trường MN Nguyễn Huệ		2	2	-	-	-	-		500.000	Xã Nguyễn Huệ
	Nguyễn Phương Trinh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1		-	-		50.000	250.000	
	Nguyễn Trung Kiên	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1			-	-	50.000	250.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
12	Trường MN An Sinh A		1	1	-	-	-	-		250.000	Xã An Sinh
	Vũ Minh Đức	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1			-	-	50.000	250.000	
13	Trường MN Tân Việt		2	2	-	-	-	-		500.000	Xã Tân Việt
	Nguyễn Quỳnh Khánh Chi	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Nguyễn Gia Hưng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
14	Trường MN Việt Dân		2	2	-	-	-	-		500.000	Xã Việt Dân
	Nguyễn Ngọc An	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1		-	-		50.000	250.000	
	Nguyễn Minh Dương	Trẻ không có cha - Mẹ bị khuyết tật vận động nặng đang hưởng trợ cấp BHXH - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1			-	-	50.000	250.000	
15	Trường MN Tràng Lương		1	1	-	-	-	-		100.000	Xã Tràng Lương
	Vũ Trần Minh Khang	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo - Điểm a khoản 5 điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1		-	-		20.000	100.000	
16	Trường MN Hồng Thái Tây		14	14	-	-	-	-		3.500.000	Xã Hồng Thái Tây
	Nguyễn Bùi Khánh Vy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Bùi Phương Quỳnh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Lê Văn Quỳnh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Trần Nguyễn Phúc Công	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Nguyễn Lam Chi	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Nguyễn Thanh Lam	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Lương Thị Thảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Lê Khánh Huyền Trang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Lê Quỳnh Như	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Nguyễn Thị Tâm Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Nguyễn Minh Trọng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Lương Đức Thiện	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Trần Minh Đức	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Lê Thị Hạnh Quỳên	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
17	Trường MN Hồng Thái Đông		3	3	-	-	-	-		750.000	Xã Hồng Thái Đông
	Hoàng Bảo Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1		-	-		50.000	250.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Trần Ngọc Bích	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
	Trần Ngọc Lan	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					50.000	250.000	
II	Khối THCS		170	170	-	-	-	-		36.990.000	
1	Trường THCS Nguyễn Du		1	1	-	-	-	-		300.000	Phường Đông Triều
	Vũ Thị Phương Anh	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	60.000	300.000	
2	Trường THCS Đức Chính		3	3	-	-	-	-		900.000	Phường Đức Chính
	Nguyễn Văn Hậu	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Lê Việt Hà	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Quang Long	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
3	Trường THCS Hưng Đạo		14	14	-	-	-	-		4.200.000	Phường Hưng Đạo
	Nguyễn Nam Cường	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Vương Gia Bảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Việt Dũng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Lê Thanh Trúc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Thị Phương Thảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Trịnh Thị Hằng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí để nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Vương Thị Mai Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Phạm Thế Duyệt	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Hoàng Bảo Linh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Phạm Hương Giang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Thị Mai Linh	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, mồ côi bố, mẹ là người khuyết tật - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Lê Thị Hồng Trang	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng, mồ côi mẹ, bố bị chất độc da cam đang được hưởng trợ cấp hàng tháng - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Bùi Thị Thu Thủy	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo- Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
4	Trường THCS Xuân Sơn		8	8	-	-	-	-		2.400.000	Phường Xuân Sơn
	Phạm Tuấn Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Phạm Thị Tuyết Hằng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Việt Phú	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Thân Ngọc Như	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Phạm Ngọc Tú	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Dương Phương Huyền	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Nguyễn Thị Vân Thanh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Thị Thúy Nga	Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
5	Trường THCS Kim Sơn		7	7						2.100.000	Phường Kim Sơn
	Nguyễn Thanh Hiền	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Lê Ngọc Hải	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Ngọc Huyền	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Thị Kim Oanh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Trần Thanh Bình	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Ngọc Hưng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Thùy Vân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
6	Trường THCS Mạo Khê I		6	6	-	-	-	-		1.800.000	Phường Mạo Khê
	Nguyễn Đức Minh	Không có cha, mồ côi mẹ - Theo điểm a, Khoản 5, Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Hoàng Gia Bảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Mai Ngọc Đức Anh	Trẻ em dưới 16 tuổi mắc bệnh hiểm nghèo; Điểm C, Khoản 1, Điều 2 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Mai Tiến Thành	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Vũ Diệu Linh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Nguyễn Thị Bảo Trang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
7	Trường THCS Mạo Khê II		6	6	-	-	-	-		1.800.000	Phường Mạo Khê
	Nguyễn Hữu Châu	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Trần Ánh Dương	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Quỳnh Nga	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Phi Nhung	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Trần Thị Ngọc Ánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Khuất Quỳnh Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
8	Trường THCS Nguyễn Đức Cảnh		4	4	-	-	-	-		1.200.000	Phường Mạo Khê
	Đào Xuân Trúc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Tạ Công Bách	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Hồ Quỳnh Trang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Trần Anh Đức	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
9	Trường THCS Lê Hồng Phong		6	6						2.040.000	Phường Hồng Phong
	Phạm Tiến Đức	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Nguyễn Tiến Đạt	Bệnh hiểm nghèo phải điều trị dài ngày (PL1. Lupus ban đỏ hệ thống: M32) Điểm c Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Trần Thị Thùy Dương	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Phạm Kim Hải	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Phạm Tiến Tài	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Thị Mai Phương	Trẻ em không nguồn nuôi dưỡng (PL 02A. Điểm d Khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 21/2021/NQ-	1	1					60.000	540.000	
10	Trường THCS Yên Thọ		4	4	-	-	-	-		1.200.000	Phường Yên Thọ
	Hoàng Văn Minh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Phạm Đức Minh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Hoàng Phương Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Duy Hoàng	Trẻ em không nguồn nuôi dưỡng ; Điểm c Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
11	THCS Hoàng Quế		5	5						1.500.000	Phường Hoàng Quế
	Ngô Trung Hiếu	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Thị Minh Thư	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Ngô Thị Thúy Ngân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí để nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Ngô Văn Khang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Thu Hoài	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
12	Trường THCS Trảng An		12	12	-	-	-	-		3.600.000	Phường Trảng An
	Nguyễn Trí Dũng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Hoàng Trần Long Hải	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Đỗ Ngọc Trâm	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Bùi Thị Thanh Hoa	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Đỗ Văn Ninh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Lương Thị Mai Thùy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Thu Trang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Đặng Minh Đức	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Bùi Kim Đạt	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Bùi Ánh Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
	Nguyễn Tiến Công	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Phạm Thanh Vân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					60.000	300.000	
13	Trường THCS Bình Dương		9	9	-	-	-	-		1.350.000	Xã Bình Dương
	Nguyễn Văn Hòa	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1		-	-		30.000	150.000	
	Nguyễn An Hòa	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1			-	-	30.000	150.000	
	Lê Hải Linh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Nguyễn Thành Đô	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Trần Kiều Trinh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Lâm Ngọc Thảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Nguyễn Văn Được	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Lê Quốc Khánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	-	-	-	-	30.000	150.000	
	Lê Bảo Khánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
14	Trường THCS Nguyễn Huệ		4	4	-	-	-	-		600.000	Xã Nguyễn Huệ
	Ngô Thế Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Vương Thu Huyền	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Nguyễn Viết Tùng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Trần Tất Phong	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
15	Trường THCS Thủy An		5	5	-	-	-	-		750.000	
	NGUYỄN VĂN LONG	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1		-	-		30.000	150.000	
	TRẦN THỊ THÁI AN	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1			-	-	30.000	150.000	
	HỒ THỊ TRÀ MY	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	PHẠM ĐỨC TÂM	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	VŨ ĐỨC DŨNG	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
16	Trường THCS An Sinh		8	8	-	-	-	-		1.200.000	Xã An Sinh
	Nguyễn Thị Trà My	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Đào Bá Huy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Hoàng Ngọc Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Nguyễn Thị Thùy Ngân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Đỗ Văn Tất	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Nguyễn Thị Hoa	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Nguyễn Thị Diệu Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí để nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Phạm Mạnh Cường	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
17	Trường THCS Bình Khê		2	2	-	-	-	-		300.000	Xã Bình Khê
	Nguyễn Văn Huy	Con Mồ côi cha , mẹ hưởng trợ cấp xã hội - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-	1	1					30.000	150.000	
	Hoàng Thị Ngọc Hân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
18	Trường THCS Yên Đức		5	5	-	-	-	-		750.000	Xã Yên Đức
	Phạm Anh Thu	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Hoàng Thị Hiền	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Trần Thị Khánh Chi	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Trần Quang Khải	Trẻ em mắc bệnh hiểm nghèo được trợ cấp hàng tháng - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Hoàng Quốc Bảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
19	Trường THCS Hồng Thái Tây		37	37	-	-	-	-		5.550.000	Xã Hồng Thái Tây
	Nguyễn Văn Thuận	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Lê Văn Hiếu Nghĩa	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Lê Thị Hương	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Trần Anh Đức	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Lê Nam Phong	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí để nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Trần Thành Long	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Ngô Minh Quân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Bảo Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Vũ Bảo Trân	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Trần Phương Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Đoàn Long	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Vũ Duy Hưng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Mạc Thị Anh Thư	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Trần Đại Long	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Quang Nam	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Phúc Hải Đăng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Trần Thị Ánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Tuấn Tú	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Lê Thị Hoài	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Mạc Anh Thái	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Phúc Thái	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Bùi Duy Khánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Nguyễn Đỗ Ngọc Ánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Lê Văn Dũng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Quốc Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Lê Minh Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Lâm Trường Giang	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Bùi Gia Oánh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Trần Tô Hồng Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Vũ Duy Thành	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Ngọc Lan Phụng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Bùi Anh Thư	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Đào Thị Hằng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Hoàng Diệu Thảo	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Thị Ngọc Mai	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Trung Hiếu	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Vi Hoàng Hào	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
20	Trường THCS Hồng Thái Đông		11	11	-	-	-	-		1.650.000	Xã Hồng Thái Đông

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí để nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Nguyễn Đức Chất	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Tiến Thành	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Phạm Thu An	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Thị Thuê	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Bùi Diễm Hằng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Nhật Nguyên	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Thị Hồng Liên	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Văn Thương	Trẻ em không nguồn nuôi dưỡng, mồ côi cha mẹ là người KT . Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Hoàng Duy Long	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Hoàng Long	Bố mẹ hưởng trợ cấp Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Đức Anh	Bố mẹ hưởng trợ cấp Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1	0	-	-	-	30.000	150.000	
21	Trường TH&THCS Việt Dân		9	9	-	-	-	-		1.350.000	Xã Việt Dân

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Phạm Ngọc Thiện	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1		-	-		30.000	150.000	
	Vũ Minh Hòa	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Vũ Quang Huy	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Đoàn Thị Tuyết Nhi	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1			-	-	30.000	150.000	
	Nguyễn Thị Nhu Hòa	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Đoàn Thế Anh	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Lê Nhật Minh	Thuộc hộ cận nghèo năm 2023. Điểm a Khoản 5 Điều 4 Nghị quyết 21/2021 /NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Nguyễn Ngọc Hằng	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
	Bùi Văn An	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
22	Trường TH&THCS Tân Việt		2	2	-	-	-	-		300.000	Xã Tân Việt
	Nguyễn Thanh Bình	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	

TT	Tên cơ sở giáo dục	Số đối tượng được hỗ trợ							Tổng số tiền học phí đề nghị hỗ trợ		Ghi chú
		Thuộc đối tượng Nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	Tổng số	Số đối tượng hỗ trợ 5 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 4 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 3 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 2 tháng	Số đối tượng hỗ trợ 1 tháng	Mức hỗ trợ HP (đồng/tháng/hs)	Thành tiền	
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	Nguyễn Ánh Bảo Ngọc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					30.000	150.000	
23	Trường TH&THCS Tràng Lương		2	2	-	-	-	-		150.000	Xã Tràng Lương
	Diệp Hoàng Minh Chúc	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					15.000	75.000	
	Tạ Khải Kiên	Trẻ em thuộc hộ cận nghèo - Điểm a khoản 5 Điều 4, nghị quyết 21/2021/NQ-HĐND	1	1					15.000	75.000	

Tổng số đối tượng đề nghị là: 216 học sinh

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là: 55.465.000 đồng

(Bằng chữ: Năm mươi lăm triệu, bốn trăm sáu mươi lăm nghìn đồng chẵn)

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU

DANH SÁCH TRẺ EM MÀM NON ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC HỖ TRỢ ĂN TRƯA HỌC KỲ II NĂM HỌC 2023-2024

(Kèm theo Quyết định số 1328/QĐ-UBND ngày 12/6/2024 của Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều)

TT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Số tiền được hỗ trợ/ tháng	Đối tượng	Số tháng	Kinh phí hỗ trợ (đồng)	Ghi chú
A	B	1	2	C	3	4	5
	Tổng số					67.580.000	
I	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em Mẫu giáo theo Nghị định 105/NĐ-CP ngày 08/9/2020					58.400.000	
1	Trường MN Đức Chính					1.600.000	
	Trần Hà Phương	17/12/2019	160.000	Con hộ cận nghèo (Điểm c, khoản 1, điều 7 NĐ 105/2020)	5	800.000	
	Khổng Bảo An	16/08/2018	160.000	Khuyết tật, điểm đ điều 7 nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
2	Trường MN Hưng Đạo					3.360.000	
	Vương Thảo Vy	17/08/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c khoản 1 điều 7, NĐ số: 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Vương Bảo Nam	15/11/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c khoản 1 điều 7, NĐ số: 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Bảo Ngọc	27/08/2019	160.000	Cận nghèo - Điểm c khoản 1 điều 7, NĐ số: 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Phạm Quỳnh Anh	12/05/2019	160.000	Khuyết tật - Điểm đ khoản 1 điều 7, NĐ số: 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Đỗ Ngọc Phương Linh	26/03/2020	160.000	Khuyết tật - Điểm đ khoản 1 điều 7, NĐ số: 105/2020/NĐ-CP	1	160.000	
3	TRƯỜNG MN KIM SƠN					4.320.000	
	Lê Bảo Trâm	02/10/2019	160.000	Khuyết tật nặng- Điểm đ khoản 1 điều 7, Nghị định 105/2020/NĐCP	5	800.000	
	Nguyễn Minh Lâm	22/02/2016	160.000	Khuyết tật nặng- Điểm đ khoản 1 điều 7, Nghị định 105/2020/NĐCP	5	800.000	
	Nguyễn Gia Hưng	12/04/2019	160.000	Khuyết tật nặng- Điểm đ khoản 1 điều 7, Nghị định 105/2020/NĐCP	3	480.000	
	Đoàn Trung Nam	17/04/2019	160.000	Khuyết tật nặng- Điểm đ khoản 1 điều 7, Nghị định 105/2020/NĐCP	4	640.000	
	Đặng Thân Duy Anh	28/05/2019	160.000	Cận nghèo- Điểm c khoản 1 điều 7, Nghị định 105/2020/NĐCP	5	800.000	

	Vũ Nguyễn Tuấn Kiệt	03/05/2018	160.000	Cận nghèo- Điểm c khoản 1 điều 7, Nghị định 105/2020/NĐCP	5	800.000	
4	Trường MN Sao Mai					800.000	
	Trần Nguyên Đại Trí	13/04/2017	160.000	Khuyết tật, điểm đ điều 7 nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
5	Trường MN Hoa Lan					4.800.000	
	Nguyễn Gia Hà Vy	21/10/2018	160.000	Khuyết tật, điểm đ điều 7 nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Minh Nhật	15/05/2017	160.000	Khuyết tật, điểm đ điều 7 nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Hồng Đăng	15/03/2018	160.000	Khuyết tật, điểm đ điều 7 nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Thào Thị Linh Chi	29/9/2019	160.000	Hộ nghèo, điểm c điều 7 nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Phạm Lê Bảo Long	14/7/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Vũ Bình An	06/07/2019	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
6	Trường MN Hoa Phượng					3.200.000	
	Nguyễn Thiện Minh	17/11/2016	160.000	Khuyết tật, điểm đ điều 7 nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Bảo Nam	30/09/2020	160.000	Khuyết tật, điểm đ điều 7 nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Đặng Thê Thành	17/08/2017	160.000	Khuyết tật, điểm đ điều 7 nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Ngô Thanh Anh Vương	10/11/2018	160.000	Hộ nghèo, điểm c điều 7 nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
7	Trường MN Sơn Ca					1.600.000	
	Trần Thanh Vân	13/10/2019	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Vũ Hải Linh	08/07/2018	160.000	Khuyết tật nặng - Điểm đ khoản 1 điều 7, Nghị định 105/2020/NĐCP	5	800.000	
8	Trường MN Hồng Phong					2.400.000	
	Bùi Minh Tuệ	18/08/2018	160.000	Trẻ em học hòa nhập khuyết tật - Điểm đ Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Đoàn Thùy Dương	17/01/2018	160.000	Trẻ em học hòa nhập khuyết tật - Điểm đ Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Phạm Nguyên Long	10/12/2019	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
9	Trường MN Yên Thọ					3.200.000	

	Phạm Minh Chính	16/06/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Phạm Thanh Phụng	16/01/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Phạm Lê Vượng	31/05/2020	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Hoàng Bình An	21/09/2020	160.000	Khuyết tật- Điểm đ, khoản 1, điều 7, Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
10	Trường MN Hoàng Quế					1.600.000	
	Phạm Hoài An	05/08/2018	160.000	Khuyết tật, theo khoản 2 điều 18, nghị định 81/2021/NĐ-CP	5	800.000	
	Dương Ngọc Khánh	09/07/2018	160.000	Khuyết tật, theo khoản 2 điều 18, nghị định 81/2021/NĐ-CP	5	800.000	
11	Trường MN Trảng An					3.200.000	
	Trần Trung Nam	03/08/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Đinh Gia Khánh	21/03/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Trương Thị Lan	15/08/2019	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Wen Minh Châu	08/08/2020	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
12	Trường MN Bình Dương					800.000	
	Nguyễn Tùng Dương	23/01/2019	160.000	Trẻ khuyết tật - Điểm b, Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
13	Trường MN Nguyễn Huệ					1.600.000	
	Bùi Gia Huy	15/07/2019	160.000	Trẻ khuyết tật - Điểm b, Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Trung Kiên	27/06/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
14	Trường MN An Sinh A					1.280.000	
	Vũ Minh Đức	11/06/2019	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Hữu Thanh	17/06/2020	160.000	Khuyết tật	3	480.000	
15	Trường MN Việt Dân					1.600.000	
	Nguyễn Ngọc An	24/02/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Tiến Quang	15/04/2018	160.000	Khuyết tật - Điểm đ Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	

16	Trường MN Tân Việt					2.400.000	
	Nguyễn Hoàng Khôi Nguyên	18/09/2017	160.000	Khuyết tật - Điểm d Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Lò Vũ Hoàng Việt	23/09/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Quỳnh Khánh Chi	08/03/2020	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
17	Trường MN Bình Minh					800.000	
	Nguyễn Trọng Tiến	05/08/2018	160.000	Khuyết tật nặng QĐ thuộc điểm d khoản 1 điều 7 nghị định 105/2020/NĐ-CP ngày 08/09/2020	5	800.000	
18	Trường MN Hồng Thái Tây					12.640.000	
	Trần Kiều Diễm	18/07/2018	160.000	Hộ nghèo - Điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	2	320.000	
	Trần Kiều Nga	18/07/2018	160.000	Hộ nghèo - Điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	2	320.000	
	Nguyễn Phương Ngân	01/09/2018	160.000	Khuyết tật - Điểm đ khoản 1 điều 7, NĐ số: 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Bùi Khánh Vy	08/03/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Đoàn Đức Phước	28/06/2018	160.000	Khuyết tật - Điểm đ khoản 1 điều 7, NĐ số: 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Bùi Phương Quỳnh	27/10/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Vũ Gia Kiệt	18/04/2018	160.000	Khuyết tật - Điểm đ khoản 1 điều 7, NĐ số: 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Lê Văn Quỳnh	02/08/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Trần Nguyễn Phúc Công	17/07/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Lam Chi	31/10/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Thanh Lam	23/03/2019	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Lương Thị Thảo	28/08/2019	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Lê Khánh Huyền Trang	01/12/2019	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Lê Quỳnh Như	06/06/2019	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Thị Tâm Anh	16/02/2020	160.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Đoàn Thanh Trúc	15/05/2020	160.000	Khuyết tật - Điểm đ khoản 1 điều 7, NĐ số: 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Quỳnh Anh	28/12/2020	160.000	Hộ nghèo - Điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	

19	Trường MN Hồng Thái Đông					7.200.000	
	Nguyễn Bảo Yến	30/08/2016	160.000	Khuyết tật khác mức độ nặng học hòa nhập theo điểm d khoản 1 điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Văn Hải	08/09/2018	160.000	Khuyết tật khác mức độ nặng học hòa nhập theo điểm d khoản 1 điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Nguyễn Thị Phương Hoa	20/08/2019	160.000	Khuyết tật khác mức độ nặng học hòa nhập theo điểm d khoản 1 điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Lê Tùng Dương	14/10/2015	160.000	Khuyết tật khác mức độ nặng học hòa nhập theo điểm d khoản 1 điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Lê Vũ Hoàng Anh	21/08/2020	160.000	Khuyết tật khác mức độ nặng học hòa nhập theo điểm d khoản 1 điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Hoàng Bảo Ngọc	22/01/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Hứa Như Ý	01/03/2018	160.000	Cận nghèo - Điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Hứa Bình An	13/08/2019	160.000	Cận nghèo - Điểm c khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
	Phạm Ngô Anh Đức	24/02/2019	160.000	Con Thương Binh - Điểm d khoản 1 Điều 7 Nghị định 105/2020/NĐ-CP	5	800.000	
II	Hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em Nhà trẻ theo NQ 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/07/2019 của HĐND tỉnh Quảng Ninh					9.180.000	
1	Trường MN Trảng An					1.080.000	
	Đỗ Bảo Ngọc	24/09/2021	180.000	Hộ nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh QN	5	900.000	
	Lê Thanh Thảo	01/09/2021	180.000	Trẻ em không có nguồn nuôi dưỡng- Điểm b Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh QN	1	180.000	
2	Trường MN Nguyễn Huệ					900.000	
	Nguyễn Phương Trinh	05/02/2021	180.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh QN	5	900.000	
3	Trường MN Tân Việt					900.000	
	Nguyễn Gia Hưng	20/04/2022	180.000	Cận nghèo - Điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết số 204/2019/NQ - HĐND ngày 30/7/2019 của Hội đồng nhaandaan tỉnh Quảng Ninh	5	900.000	
4	Trường MN Việt Dân					900.000	
	Nguyễn Minh Dương	29/07/2021	180.000	Trẻ em nhà trẻ không có nguồn nuôi dưỡng - Điểm b Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh QN	5	900.000	

5	Trường MN Hồng Thái Tây					3.600.000	
	Nguyễn Minh Trọng	30/03/2021	180.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh QN	5	900.000	
	Lương Đức Thiện	06/10/2021	180.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh QN	5	900.000	
	Trần Minh Đức	12/03/2021	180.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh QN	5	900.000	
	Lê Thị Hạnh Quyên	09/08/2021	180.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh QN	5	900.000	
6	Trường MN Hồng Thái Đông					1.800.000	
	Trần Ngọc Bích	30/03/2021	180.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh QN	5	900.000	
	Trần Ngọc Lan	06/10/2021	180.000	Cận nghèo - Điểm c Khoản 1 Điều 6 Nghị quyết 204/2019/NQ-HĐND ngày 30/7/2019 của HĐND tỉnh QN	5	900.000	

Tổng số học sinh đề nghị là: 87 học sinh trong đó:

Số học sinh hỗ trợ theo ND 105/ND-CP là: 76 học sinh; Số tiền là: 58.400.000đ

Số học sinh hỗ trợ theo NQ 204/2019/NQ-HĐND là: 11 học sinh; Số tiền là: 9.180.000đ

Tổng số tiền đề nghị hỗ trợ là: 67.580.000

Tổng số tiền bằng chữ: Sáu mươi bảy triệu, năm trăm tám mươi nghìn đồng